

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 9 năm 2022 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022) và Ông Lương Trọng Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2022).

Ông Lương Trọng Hải đã ủy quyền cho Ông Nghiêm Xuân Trường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 22/HĐUQ.DCL ngày 17 tháng 4 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

302
ÔN
CỔ
JOC
UU
V.V

315-
NHÀ
NG T
HIỆM H
ÁN VÀ
A & C
HÀ N
A - 19

Số: 2.0521/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

325
G T
PHÁP
PHÁ
LON
NH

102 - C
H
Y
TƯ HẠN
TƯ VẤN
ĐỊ
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.030.795.664.721	962.346.195.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.588.694.150	36.016.062.475
1. Tiền	111		10.588.694.150	36.016.062.475
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.000.000.000	103.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	79.000.000.000	103.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		569.754.835.238	495.512.807.843
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	148.790.824.900	171.134.717.770
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	153.274.712.057	89.939.655.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	289.053.737.755	292.604.653.438
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(21.364.439.474)	(58.166.219.285)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	345.088.227.597	303.946.063.318
1. Hàng tồn kho	141		349.487.733.157	309.016.804.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.399.505.560)	(5.070.741.591)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.363.907.736	23.871.262.230
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.843.966.180	1.565.765.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.217.957.494	22.010.306.034
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	301.984.062	295.190.948
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		978.123.699.483	979.344.858.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.396.500.000	749.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.396.500.000	749.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		422.481.841.027	429.914.765.951
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	398.189.238.237	407.709.144.429
<i>Nguyên giá</i>	222		862.676.142.304	857.630.897.797
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(464.486.904.067)	(449.921.753.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.366.893.604	20.619.306.398
<i>Nguyên giá</i>	225		22.876.854.258	20.968.786.167
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.509.960.654)	(349.479.769)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.925.709.186	1.586.315.124
<i>Nguyên giá</i>	228		5.382.568.377	2.939.218.377
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.456.859.191)	(1.352.903.253)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	166.710.330.878	161.514.636.272
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		166.710.330.878	161.514.636.272
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		378.730.000.000	378.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	379.737.810.725	379.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.007.810.725)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.805.027.578	8.435.956.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.413.268.355	5.687.928.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.391.759.223	2.748.027.818
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.008.919.364.204	1.941.691.054.498

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		682.951.923.270	636.319.474.011
I. Nợ ngắn hạn	310		491.438.024.357	476.721.469.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	53.480.353.555	36.353.861.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	31.839.230.051	2.660.847.589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.831.688.822	7.930.336.335
4. Phải trả người lao động	314		10.294.168.449	15.767.250.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.368.247.204	13.149.590.175
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	65.602.957.935	86.618.482.661
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	313.505.485.288	311.393.645.306
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	4.515.893.053	2.847.455.553
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		191.513.898.913	159.598.004.495
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	191.513.898.913	159.598.004.495
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	1.325.967.440.934	1.305.371.580.487
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.325.967.440.934	1.305.371.580.487
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		375.178.110.341	354.582.249.894
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		351.582.249.894	354.582.249.894
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.595.860.447	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.008.919.364.204	1.941.691.054.498

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	497.012.400.060	408.391.814.607
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	20.915.771.736	5.562.813.932
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		476.096.628.324	402.829.000.675
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	401.407.769.220	314.077.535.458
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.688.859.104	88.751.465.217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.770.092.896	17.057.032.133
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.600.274.785	19.892.516.674
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.241.839.221	15.656.804.508
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	26.023.450.164	28.077.305.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.093.968.466	19.453.263.708
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.741.258.585	38.385.411.750
11. Thu nhập khác	31		845.017.361	814.920.170
12. Chi phí khác	32		54.885.735	738.981.908
13. Lợi nhuận khác	40		790.131.626	75.938.262
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.531.390.211	38.461.350.012
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.579.261.169	7.872.922.735
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.356.268.595	(28.206.371)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.595.860.447	30.616.633.648
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.531.390.211	38.461.350.012
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	18.100.654.747	18.570.267.168
- Các khoản dự phòng	03		1.383.868.710	4.199.654.145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	324.871	(61.404.471)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.182.974.761)	(9.220.418.137)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.241.839.221	15.656.804.508
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.075.102.999	67.606.253.225
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.735.764.703	(309.125.762.868)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(43.165.020.319)	(14.521.157.689)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.077.123.677	(209.848.241.679)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.003.540.696)	(436.247.124)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.168.750.211)	(15.705.705.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(7.795.850.557)	(3.343.494.251)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.331.562.500)	(217.510.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.423.267.096	(485.591.865.950)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(100.581.863.369)	(6.655.019.644)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		370.636.365	220.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(66.345.945.205)	(106.345.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.345.945.205	134.691.890.410
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.330.527.994	4.664.712.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(71.880.699.010)	(23.424.362.326)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, phường 05, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	355.205.150.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	397.238.811.125	638.817.461.567
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(358.802.646.785)	(518.510.983.221)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(4.408.429.940)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.027.734.400	475.511.628.346
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.429.697.514)	(33.504.599.930)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	36.016.062.475	39.227.583.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.329.189	10.332.957
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.588.694.150	5.733.316.651

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng

Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	80,75%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	84%	84%

(i) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (TBYT) chiếm 80,75%; Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas vào TBYT lần lượt chiếm 19% và 0,25% nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào TBYT là 100%.

(ii) Tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas (BenovasOn) chiếm 55% và Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn vào BenovasOn chiếm 29% tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty vào BenovasOn là 84%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 837 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 824 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

20
ÔN
CỔ
JUC
C/
INH

5-06
HÀNH
TY
HỮU
VÀ T
C
NỘ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 -10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

35.
TY
ẤN
PH
LON
IN

VĨNH LONG

35.
TY
ẤN
PH
LON
IN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng trong đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	52.709.026	2.960.356
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.535.985.124	36.013.102.119
Cộng	10.588.694.150	36.016.062.475

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	79.000.000.000	89.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	14.000.000.000
Cộng	79.000.000.000	103.000.000.000

⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 5,9% đến 8,3%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế ⁽ⁱ⁾	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas ⁽ⁱⁱⁱ⁾	79.980.000.000	-	79.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ^(iv)	80.750.000.000	-	80.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas ^(v)	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	379.737.810.725	(1.007.810.725)	379.737.810.725	(1.007.810.725)

- (i) Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (MSC) được thành lập ngày 29/12/2003 trên cơ sở Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Lao Medical Services Co., Ltd. MSC. Hiện Công ty đã ngừng hoạt động.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311124093 ngày 06/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn có vốn điều lệ là 163 tỷ VND, do Công ty là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314033736 ngày 27/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas có vốn điều lệ là 80 tỷ VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1501057104 ngày 27/09/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107753133 ngày 08/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas có vốn điều lệ là 100 tỷ VND.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	7.998.000	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	8.075.000	80,75%	8.075.000	80,75%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đã ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Hoạt động chính của công ty là mua và phân phối sản phẩm cho công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas: Hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas: Công ty chưa phát sinh doanh thu. Hoạt động chính trong năm đầu tư tài chính (đầu tư các cổ phiếu chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác kinh doanh).

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

Giao dịch với các công ty con

Xem Thuyết minh VII.1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.359.781.050	27.749.552.933
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	-	6.409.912.464
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	-	14.002.291.394
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	4.359.781.050	7.337.349.075
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	144.431.043.850	143.385.164.837
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	-	16.428.897.499
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	-	4.975.554.629
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	13.751.195.476	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	15.417.973.078	-
Bệnh viện Ung bướu	92.463.000	6.424.095.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế và Dược phẩm Hoàn Cầu	-	4.696.299.400
Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	229.733.845	4.646.198.718
Bệnh viện Truyền máu Huyết học	24.686.584.800	14.169.174.600
Các khách hàng khác	90.253.093.651	92.044.944.991
Cộng	<u>148.790.824.900</u>	<u>171.134.717.770</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	19.660.806.813
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	19.660.806.813
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	153.274.712.057	70.278.849.107
Growena Impex Company	1.717.144.398	9.992.687.271
Công ty Gelita Deutschland	-	5.232.960.000
Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn Cầu	1.036.583.975	3.327.724.875
Công ty Nitta Gelatin Inc	-	1.810.490.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam ⁽ⁱ⁾	96.789.000.000	35.076.789.032
Công ty TNHH Akums Drugs And Pharmaceuticals	7.214.162.910	11.481.898.135
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa ⁽ⁱⁱ⁾	23.633.659.250	177.276.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Giang	9.977.088.000	-
Các nhà cung cấp khác	12.907.073.524	3.179.023.794
Cộng	<u>153.274.712.057</u>	<u>89.939.655.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam theo hợp đồng mua bán tài sản liên quan đến dự án "đầu tư dây chuyền sản xuất Capsule giai đoạn 5". Tổng giá trị hợp đồng là 138.270.000.000 VND.

Ngày 03/7/2023 hệ thống dây chuyền đã được bàn giao về công ty để thực hiện triển khai lắp đặt.

- (ii) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa theo hợp đồng số 1904/2023/HĐTC/DCL-BKG ký ngày 19/04/2023 và Hợp đồng số 2103/2023/DCL-BKG ngày 21/3/2023 để thực hiện thi công lắp đặt nhà máy capsule giai đoạn 5.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	278.414.319.568	-	280.208.260.274	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn – Phải thu về hợp tác đầu tư (*)	278.247.319.568	-	280.021.260.274	-
Gốc hợp tác đầu tư	266.477.967.123	-	264.650.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	11.769.352.445	-	15.371.260.274	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	100.000.000	-	100.000.000	-
Ông Lương Trọng Hải - Giám đốc điều hành - Tạm ứng	30.000.000	-	50.000.000	-
Ông Nghiêm Xuân Trường - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	37.000.000	-	37.000.000	-
Phải thu tổ chức/cá nhân khác	10.639.418.187 (4.349.490.202)		12.396.393.164 (4.349.490.202)	
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.077.121.191	-	3.595.310.789	-
Ký cược, ký quỹ	257.802.596	-	257.802.596	-
Tạm ứng	2.636.809.394 (689.833.740)		2.956.868.514 (689.833.740)	
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	-	-	1.325.925.926	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.662.085.006 (3.659.656.462)		4.254.885.339 (3.659.656.462)	
Cộng	289.053.737.755 (4.349.490.202)		292.604.653.438 (4.349.490.202)	

- (*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (Công ty con), thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 7,5%-9%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – tiền ký quỹ	3.127.000.000	480.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	269.500.000	269.500.000
Cộng	3.396.500.000	749.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bên liên quan				
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	-	-	6.409.912.464	(6.409.912.464)
(Phải thu tiền bán hàng)				
Các tổ chức và cá nhân khác	30.066.260.245	(21.364.439.474)	55.787.434.260	(51.756.306.821)
Phải thu tiền bán hàng	25.154.381.116	(16.452.560.345)	57.570.988.588	(46.844.427.692)
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	-	-	16.428.897.499	(16.428.897.499)
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	-	-	4.976.554.629	(4.976.554.629)
Medical Supply Pharm Enterprise	-	-	3.303.752.851	(3.303.752.851)
Các khách hàng khác	25.154.381.116	(16.452.560.345)	32.861.783.609	(22.135.222.713)
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	3.717.599.787	(3.717.599.787)
Phải thu tiền tạm ứng	689.833.740	(689.833.740)	631.890.415	(631.890.415)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	30.066.260.245	(21.364.439.474)	68.892.780.181	(58.166.219.285)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	58.166.219.285	56.864.073.391
Trích lập dự phòng bổ sung	1.706.732.963	2.934.494.275
Hoàn nhập dự phòng	(2.345.720.293)	(1.061.910.910)
Xóa nợ (xem thuyết minh V.22b)	(36.162.792.481)	-
Số cuối kỳ	21.364.439.474	58.736.656.756

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	987.408.255	-	2.143.051.886	-
Nguyên liệu, vật liệu	164.332.099.488	(1.437.713.344)	142.461.007.278	(1.846.273.303)
Công cụ, dụng cụ	10.750.560.979	-	10.543.390.280	-
Thành phẩm	148.668.811.608	(2.958.659.835)	147.597.306.273	(3.213.415.907)
Hàng hóa	24.748.852.827	(3.132.381)	6.272.049.192	(11.052.381)
Cộng	349.487.733.157	(4.399.505.560)	309.016.804.909	(5.070.741.591)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 60.000.000.000 VND (số đầu năm là 60.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.070.741.591	2.211.191.549
Trích lập dự phòng bổ sung	2.022.856.040	2.327.070.780
Hủy hàng	(2.694.092.071)	-
Số cuối kỳ	4.399.505.560	4.538.262.329

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	781.798.397	849.870.361
Chi phí bảo hiểm	348.355.740	338.704.852
Chi phí phần mềm	446.145.550	281.406.819
Phí quản lý hợp đồng thuê đất	1.002.668.905	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	264.997.588	95.783.216
Cộng	<u>2.843.966.180</u>	<u>1.565.765.248</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.778.996.620	2.794.962.047
Chi phí thí nghiệm, nghiên cứu sinh học	1.356.847.150	838.723.663
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.277.424.585	2.054.242.881
Cộng	<u>5.413.268.355</u>	<u>5.687.928.591</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	181.452.137.329	651.105.604.643	22.588.503.054	2.484.652.771	857.630.897.797
Mua trong kỳ	-	6.316.311.732	-	-	6.316.311.732
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối kỳ	<u>181.452.137.329</u>	<u>657.421.916.375</u>	<u>21.317.435.829</u>	<u>2.484.652.771</u>	<u>862.676.142.304</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 10.909.192.195 218.738.633.037 7.537.723.885 1.737.984.414 238.923.533.531

Đã hỏng không sử dụng - 25.458.715.451 197.427.000 - 25.656.142.451

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	57.492.074.304	372.697.524.708	17.541.002.503	2.191.151.853	449.921.753.368
Khấu hao trong kỳ	3.587.949.911	11.474.152.765	684.599.739	89.515.509	15.836.217.924
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.271.067.225)	-	(1.271.067.225)
Số cuối kỳ	<u>61.080.024.215</u>	<u>384.171.677.473</u>	<u>16.954.535.017</u>	<u>2.280.667.362</u>	<u>464.486.904.067</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	123.960.063.025	278.408.079.935	5.047.500.551	293.500.918	407.709.144.429
Số cuối kỳ	<u>120.372.113.114</u>	<u>273.250.238.902</u>	<u>4.362.900.812</u>	<u>203.985.409</u>	<u>398.189.238.237</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - - - - -

Đang chờ thanh lý - - - - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.863.207.738 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	20.968.786.167	349.479.769	20.619.306.398
Thuê tài chính trong kỳ	1.908.068.091	-	1.908.068.091
Khấu hao trong kỳ	-	2.160.480.885	2.160.480.885
Số cuối kỳ	22.876.854.258	2.509.960.654	20.366.893.604

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	203.067.927	1.747.470.450	988.680.000	2.939.218.377
Mua trong kỳ	-	2.443.350.000	-	2.443.350.000
Số cuối kỳ	203.067.927	4.190.820.450	988.680.000	5.382.568.377
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		569.916.700		569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.026.089.043	326.814.210	1.352.903.253
Khấu hao trong kỳ	-	79.238.938	24.717.000	103.955.938
Số cuối kỳ		1.105.327.981	351.531.210	1.456.859.191
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	203.067.927	721.381.407	661.865.790	1.586.315.124
Số cuối kỳ	203.067.927	3.085.492.469	637.148.790	3.925.709.186
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.718.900.000	6.040.761.732	(8.759.661.732)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	158.795.736.272	9.038.630.511	-	(1.124.035.905)	166.710.330.878
Công trình Nhà máy Vikimco	272.523.339	-	-	(121.367.000)	151.156.339
Công trình Nhà máy tại Long An (*)	158.335.290.932	5.997.498.942	-	(1.002.668.905)	163.330.120.969
Dự án dây chuyền Capsule 5	-	2.372.332.388	-	-	2.372.332.388
Dự án khác	187.922.001	668.799.181	-	-	856.721.182
Cộng	161.514.636.272	15.079.392.243	(8.759.661.732)	(1.124.035.905)	166.710.330.878

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành tháng 1/2025. Chi phí lãi vay vốn hóa trong kỳ là 4.812.417.037 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.748.027.818	920.347.957
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.356.268.595)	28.206.371
Số cuối kỳ	<u>1.391.759.223</u>	<u>948.554.328</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>19.786.382.284</u>	<u>8.197.997.073</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	4.990.670.112	8.197.997.073
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	14.795.712.172	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>33.693.971.271</u>	<u>28.155.864.406</u>
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	1.280.100.246	1.457.030.485
Công ty TNHH Centrient Pharmaceuticals India PVT	-	5.315.520.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại In Phước Châu	1.169.234.220	929.692.485
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	10.953.540.782	-
Công ty TNHH Bao bì Tấn Thành	1.859.272.470	2.189.554.524
Công ty TNHH Bao bì Đông Âu	2.567.289.010	3.024.975.780
Các nhà cung cấp khác	15.864.534.543	15.239.091.132
Cộng	<u>53.480.353.555</u>	<u>36.353.861.479</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<u>27.952.771.425</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	27.952.771.425	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<u>3.886.458.626</u>	<u>2.660.847.589</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar	1.100.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dược Thuận Gia	-	1.324.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Phát triển Y tế Hà Nội	-	300.000.000
Các khách hàng khác	1.286.458.626	1.036.847.589
Cộng	<u>31.839.230.051</u>	<u>2.660.847.589</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Phải thu

	Số đầu năm	Số đã thực thu trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	270.048.155	(270.049.155)	202.285.115	202.284.115
Thuế xuất, nhập khẩu	25.142.793	(832.115.101)	906.672.255	99.699.947
Cộng	295.190.948	(1.102.164.256)	1.108.957.370	301.984.062

16b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.611.695.535	(10.611.695.535)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.788.618.533	4.579.261.169	(7.795.850.557)	4.572.029.145
Thuế thu nhập cá nhân	141.717.802	1.023.088.101	(1.067.147.224)	97.658.679
Tiền thuê đất	-	980.355.828	(392.142.330)	588.213.498
Các loại thuế khác	-	684.437.980	(110.650.480)	573.787.500
Cộng	7.930.336.335	17.878.838.613	(19.977.486.126)	5.831.688.822

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.531.390.211	38.461.350.012
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(6.635.084.368)	903.263.665
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	(6.781.342.971)	141.031.853
Chi phí không hợp lệ	36.340.718	738.980.343
Thù lao HĐQT, BKS	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(2.329.189)	(73.894.896)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu của kỳ trước thực hiện trong kỳ này	(55.752.926)	(70.853.635)
Thu nhập chịu thuế	22.896.305.843	39.364.613.677
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.579.261.169	7.872.922.735

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	665.012.910	591.923.900
Chi phí hỗ trợ bán hàng	3.342.288.216	6.340.114.607
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>2.360.946.078</u>	<u>6.217.551.668</u>
Cộng	<u>6.368.247.204</u>	<u>13.149.590.175</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>6.106.567.123</u>	<u>27.244.151.345</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	1.336.003.400
<i>Phải trả khác</i>	-	1.336.003.400
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	6.106.567.123	25.908.147.945
<i>Gốc hợp tác đầu tư</i>	4.900.000.000	25.800.000.000
<i>Lợi nhuận hợp tác đầu tư</i>	1.206.567.123	108.147.945
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<u>59.496.390.812</u>	<u>59.374.331.316</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	198.877.337	76.817.841
Phải trả về bản án sơ thẩm ⁽ⁱⁱ⁾	58.431.883.500	58.431.883.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>609.087.459</u>	<u>609.087.459</u>
Cộng	<u>65.602.957.935</u>	<u>86.618.482.661</u>

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên liên quan có thời hạn 12 tháng. Mục đích hợp tác đầu tư kinh doanh với lợi nhuận cố định 9%/năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	246.845.041.027	245.407.791.419
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	47.832.963.148	11.475.805.265
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	85.506.933.979	96.115.853.240
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	78.858.395.227	99.667.119.050
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	34.646.748.673	38.149.017.722
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	-	(3.858)
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	52.747.188.621	62.405.773.887
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.322.188.617	31.980.773.883
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	30.425.000.004
Nợ thuê tài chính đến hạn trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)	13.913.255.640	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	3.580.080.000	3.580.080.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	9.986.172.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	347.003.640	-
Cộng	313.505.485.288	311.393.645.306

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất(năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	50 tỷ VND	không quá 12 tháng	6,8-8,3%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	7%-8,5%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	không quá 06 tháng	8% -8,5%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(iv)	50 tỷ VND	từ 08/06/2022 đến 30/06/2023	8,5% - 9%

(i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).

(ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp tài sản là toàn bộ MMTB hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 10 tỷ đồng.

(iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

(iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng thế chấp hàng hóa, thế chấp tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	245.407.791.419	62.405.773.887	3.580.080.000	311.393.645.306
Số tiền vay phát sinh	326.368.811.125	-	-	326.368.811.125
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	24.212.500.002	12.123.215.640	36.335.715.642
Số tiền vay đã trả	(324.931.561.517)	(33.871.085.268)	(1.790.040.000)	(360.592.686.785)
Số cuối kỳ	246.845.041.027	52.747.188.621	13.913.255.640	313.505.485.288

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	121.065.584.493	145.278.084.495
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	61.264.825.167	70.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	59.800.759.326	75.013.259.328
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.448.314.420	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC	12.529.880.000	14.319.920.000
Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC	56.588.272.000	-
Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC	1.330.162.420	-
Cộng	191.513.898.913	159.598.004.495

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:
- Theo hợp đồng số 06/HĐĐTDA-VLO.KH ngày 03 tháng 07 năm 2017 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 111.915.145.300 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017.
 - Theo hợp đồng số 03/HĐĐTDA-VLO.CRC ngày 29 tháng 01 năm 2021 với mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long làm chủ đầu tư; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ; thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ, lãi suất cho vay cố định quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được thế chấp là toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-201/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 03/HĐTC-VLO.KH ngày 29/01/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng số 08/HĐCVTL/NHCT320-DUOCCL ngày 08 tháng 08 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An theo Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh số 42/TCT-ĐT ngày 28/07/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Tổng Công ty IDICO; hạn mức là 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay được thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.12).
- (iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo 3 hợp đồng gồm:
- Hợp đồng số 02.086/2022/TSC-CTTC ngày 29/11/2022 là máy móc thiết bị với số tiền: 22.646.289.061 VND trong thời hạn thuê 5 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo.
 - Hợp đồng số 02.001/2023/TSC-CTTC ngày 31/01/2023 là dây chuyền sản xuất viên nang cứng rỗng với số tiền: 138.270.000.000 VND trong thời hạn 7 năm và lãi suất thay đổi theo phụ lục kèm theo, đã giải ngân để ứng trước cho Công ty. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa hình thành tài sản nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuê tài chính.
 - Hợp đồng số 24/2023/CN.MN-CTTC ngày 16/03/2023 là xe ô tô tải (đông lạnh) với số tiền: 2.083.034.000 VND. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên là: 10,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	66.660.444.261	65.985.853.887
Trên 1 năm đến 5 năm	191.513.898.913	159.598.004.495
Cộng	258.174.343.174	225.583.858.382

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	13.913.255.640	53.804.730.420	16.643.584.000	84.361.570.060
Lãi thuê phải trả	9.050.495.986	19.651.904.523	1.670.693.608	30.373.094.117
Nợ thuê tài chính phải trả	22.963.751.626	73.456.634.943	18.314.277.608	114.734.664.177

Số đầu năm

Tiền gốc phải trả	3.580.080.000	14.319.920.000	14.319.920.000	17.900.000.000
Lãi thuê phải trả	1.854.909.979	2.755.182.888	2.755.182.888	4.610.092.867
Nợ thuê tài chính phải trả	5.434.989.979	17.075.102.888	17.075.102.888	22.510.092.867

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	145.278.084.495	14.319.920.000	159.598.004.495
Nợ thuê tài chính phát sinh trong kỳ	-	70.870.000.000	70.870.000.000
Số tiền vay, nợ thuê tài chính đã trả	-	(2.618.389.940)	(2.618.389.940)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(24.212.500.002)	(12.123.215.640)	(36.335.715.642)
Số cuối kỳ	121.065.584.493	70.448.314.420	191.513.898.913

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.847.455.553	3.082.149.642
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(1.331.562.500)	(217.510.452)
Số cuối kỳ	<u>4.515.893.053</u>	<u>4.864.639.190</u>

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư XDCB</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	588.328.240.000	7.235.773.743	331.612.425.160	20.166.850	927.196.605.753
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142.082.060.000	213.123.090.000	-	-	355.205.150.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	30.616.633.648	-	30.616.633.648
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>730.410.300.000</u>	<u>220.358.863.743</u>	<u>360.229.058.808</u>	<u>20.166.850</u>	<u>1.311.018.389.401</u>
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	354.582.249.894	20.166.850	1.305.371.580.487
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	23.595.860.447	-	23.595.860.447
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ nay	<u>730.410.300.000</u>	<u>220.358.863.743</u>	<u>375.178.110.341</u>	<u>20.166.850</u>	<u>1.325.967.440.934</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	<u>730.410.300.000</u>	<u>730.410.300.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****22a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.142,77	7.722,17

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	-
Công ty Liên doanh MSC (Lào)	6.409.912.464	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	-
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	-
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	-
Các đối tượng khác	3.622.105.757	-
Cộng	<u>36.162.792.481</u>	<u>-</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	137.492.684.256	35.521.460.926
Doanh thu bán thành phẩm	359.519.715.804	372.870.353.681
Cộng	<u>497.012.400.060</u>	<u>408.391.814.607</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	6.677.355.131	2.674.349.461
Hàng bán bị trả lại	14.092.392.603	2.888.464.471
Giảm giá hàng bán	146.024.002	-
Cộng	<u>20.915.771.736</u>	<u>5.562.813.932</u>

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	120.718.234.253	34.079.950.374
Giá vốn của thành phẩm đã bán	278.666.678.927	277.670.514.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.022.856.040	2.327.070.780
Cộng	<u>401.407.769.220</u>	<u>314.077.535.458</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.800.751.498	8.981.048.632
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.586.898	19.369.505
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	10.867.956.555	7.956.027.398
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	89.797.945	39.182.127
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	61.404.471
Cộng	13.770.092.896	17.057.032.133

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.241.839.221	15.656.804.508
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	1.098.419.178	4.135.175.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.259.691.515	100.536.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	324.871	-
Cộng	15.600.274.785	19.892.516.674

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.743.761.065	12.043.967.382
Chi phí vật liệu, bao bì	158.190.509	216.504.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.884.503	693.946.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.737.960.094	14.581.610.064
Chi phí hỗ trợ bán hàng	3.275.218.470	2.375.380.887
Chi phí vận chuyển	1.323.834.147	2.361.587.221
Chi phí mua ngoài khác	7.138.907.477	9.844.641.956
Các chi phí khác	646.653.993	541.277.147
Cộng	26.023.450.164	28.077.305.218

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.533.175.558	9.355.301.978
Chi phí vật liệu quản lý	160.883.057	251.266.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	449.749.275	449.403.174
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(638.987.330)	1.872.583.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.071.487.615	6.850.325.102
Các chi phí khác	517.660.291	674.383.156
Cộng	18.093.968.466	19.453.263.708

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	302.691.357.807	304.059.210.220
Chi phí nhân công	52.156.295.776	52.335.741.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.100.654.747	18.570.267.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.577.302.597	45.017.680.028
Chi phí dự phòng	(638.987.330)	1.872.583.365
Chi phí khác	9.088.793.536	2.387.709.844
Cộng	416.975.417.133	424.243.191.972

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	488.341.244	-	488.341.244
Ông Nghiêm Xuân Trường (từ ngày 01/3/2023)	Phó Tổng giám đốc	360.000.000	-	360.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	71.462.667	-	71.462.667
Bà Trần Khiêm (từ ngày 01/4/2023)	Phó Tổng Giám đốc	90.724.800	-	90.724.800
Cộng		1.010.528.711	168.000.000	1.178.528.711

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phí Xuân Trường	Thành viên HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Trưởng BKS	-	16.500.000	16.500.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	11.000.000	11.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Tổng Giám đốc	33.333.336	-	33.333.336
Ông Lương Trọng Hải	Giám đốc điều hành	57.570.000	-	57.570.000
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	175.500.000	-	175.500.000
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	52.278.000	-	52.278.000
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	197.546.511	-	197.546.511
Cộng		516.227.847	137.500.000	653.727.847

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	Công ty có liên quan với Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Dịch vụ tư vấn và cho thuê văn phòng	4.536.972.828	3.683.092.522
Phải trả lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	3.062.465.754
Trả tiền gốc hợp tác đầu tư	-	184.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Bán hàng	154.267.169.333	184.887.304.485
Trả lại hàng mua	10.836.070.288	2.373.813.290
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas		
Trả gốc hợp tác đầu tư	20.900.000.000	16.650.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.098.419.178	1.072.709.589
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	10.867.956.555	7.956.027.398
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	62.477.967.123	365.000.000.000
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	60.650.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng	-	220.526.679
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng	-	21.811.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco		
Mua hàng	123.385.595.072	85.714.286
Bán hàng	5.771.801.000	4.443.406.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Lâm Minh Thương

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm Minh Thương

Phó Tổng Giám đốc



Nghiêm Xuân Trường

